


Phụ lục 17*(Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010)***PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

Phiếu an toàn hóa chất METHYLENE CHLORIDE		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 75-09-2 Số UN: 1593 Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: Chưa có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: Chưa có thông tin			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Methylene Chloride		Mã sản phẩm : MC	
- Tên thương mại: Methylene Chloride			
- Tên khác: Dichloromethane			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng:			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Methylene Chloride	75-09-2	CH ₂ Cl ₂	100%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm WHMIS (Canada): Loại D-1B: Chất độc hại nguy hiểm; Loại D-2B: Chất rất độc; DSCL(EEC): R22- Có hại nếu nuốt vào; R38: Kích ứng da; R41: Kích ứng mắt; R45: Có thể gây ung thư; HMIS (U.S.A): Nguy cơ sức khỏe: 2; Nguy cơ cháy: 1; Dễ phản ứng: Loại bảo hộ lao động: H; (U.S.A): Sức khỏe: 2; Dễ cháy: 1; 2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; - Ôxy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng			

<ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt: Gây Kích ứng mắt; - Đường thở: Gây Kích ứng đường hô hấp; - Đường da: Gây kích ứng da; - Đường tiêu hóa: Gây kích ứng đường tiêu hóa; - Đường tiết sữa: Chưa có thông tin;
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ
<p>1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút. Nước lạnh có thể được sử dụng. Chăm sóc y tế ngay lập tức.</p> <p>2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức da rửa mắt với nhiều nước. Che da bị kích thích với một chất làm mềm. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Nước lạnh có thể được sử dụng. Giặt quần áo trước khi sử dụng. Làm sạch giày trước khi sử dụng. Chăm sóc y tế.</p> <p>3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) : Nếu hít phải, di chuyển nạn nhân sang khu vực thoáng mát, Nếu không thở, cần hô hấp nhân tạo trong nạn nhân. Chăm sóc y tế ngay lập tức.</p> <p>4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) Không cho nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự chỉ dẫn của nhân viên y tế. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng của nạn nhân. Nói lỏng quần áo như tháo cà vạt, dây thắt Lưng.</p> <p>5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Chưa có thông tin</p>
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN
<p>1. Xếp loại về tính cháy: Dễ cháy trong nhiệt độ cao</p> <p>2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: CO, CO₂, Hợp chất halogen;</p> <p>3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)</p> <p>4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác : Sử dụng bột khô hóa chất, không sử dụng nước để chữa cháy.</p> <p>5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Áo quần chữa cháy,</p> <p>6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) Không sử dụng nước để dập tắt</p>
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ
<p>1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Pha loãng bằng nước và lau lên và thấm bằng vật liệu khô tro và thu hồi và lưu trữ tại thùng chứa chất thải nguy hại.</p> <p>2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng Hấp thụ với chất liệu khô tro và xử lý như chất thải nguy hại.</p>
VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ
<p>1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Đảm bảo thông gió tốt, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.</p> <p>2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...) Giữ Bình chứa thông kín, giữ bình chứa thông gió, thoáng mát.</p>
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN
<p>1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)</p> <p>2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ mắt: Mặt nạ hô hấp, kính bảo hộ; - Bảo vệ thân thể: áo quần thí nghiệm; - Bảo vệ tay: Găng tay bảo hộ;

<div>- Bảo vệ chân: Ủng bảo hộ.</div> <div>3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: giống dụng cụ bảo hộ lao động.</div> <div>4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Tắm toàn thân.</div>				
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT				
Trạng thái vật lý: Chất lỏng		Điểm sôi (⁰ C) 39.75°C;		
Màu sắc: Chưa có thông tin		Điểm nóng chảy (⁰ C) -96.7°C;		
Mùi đặc trưng: Chưa có thông tin		Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) theo phương pháp xác định		
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn/: 46.5 kPa ở 20 ⁰ C		Nhiệt độ tự cháy (⁰ C) 556°C;		
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : 2.93		Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) 19%		
Dễ tan trong n- methanol, diethyl ether, n-octanol, acetone		Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) 12%		
Độ PH: Chưa có thông tin		Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin		
Khối lượng riêng (mg/l) 84.93		Các tính chất khác nếu có		
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT				
<div>1. Tính ổn định Ổn định trong điều kiện thường;</div> <div>2. Khả năng phản ứng:<div><div>- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;</div><div>- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);</div><div>- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);</div><div>- Phản ứng trùng hợp.</div></div></div>				
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Methylene Chloride	LD50	1600 mg/kg	Miệng	Thỏ
<div>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)<div><div>- Có khả năng gây ung thư theo chứng minh của OHSAS.</div><div>- Phân loại 2B gây nguy hiểm cho người.</div><div>- Gây ảnh hưởng đến các cơ quan trung ương như phổi, hệ thần kinh, gan, màng nhầy.</div></div></div> <div>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</div>				
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI				
1. Độc tính với sinh vật				
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả	
Methylene Chloride	Thỏ	1 giờ	LC50=52000	
2. Tác động trong môi trường <div><div>- Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin</div><div>- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin;</div><div>- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin;</div><div>- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin;</div></div>				
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ				
<div>1. Thông tin quy định tiêu hủy: Tuân thủ Luật hóa chất 2007 và các văn bản hướng dẫn.</div> <div>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin</div> <div>3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin;</div> <div>4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Chưa có thông tin</div>				

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1593	Methylene Chloride	4.3+8	III		Chất rắn ăn mòn, phản ứng với nước thoát ra khí dễ cháy
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 10/10/2005						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 01/02/2015						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						